

Bản án số: 373/2020/HC-PT

Ngày: 12-8-2020

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về
đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1041/2019/TLPT-HC ngày 06 tháng 8 năm 2019; về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2070/2020/QĐPT-HC ngày 20 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Phan Thị D, sinh năm 1934; Địa chỉ cư trú: ấp 5B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của Bà Phan Thị D: Ông Phan Văn L; Địa chỉ cư trú: ấp 5B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (văn bản ủy quyền ngày 10/10/2018, có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; Địa chỉ trụ sở: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn B; Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lý Văn C; Chức vụ: Phó Chủ tịch (văn bản ủy quyền ngày 16/01/2019, xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Văn H
2. Bà Huỳnh Thị L
3. Ông Phan Thanh T
4. Ông Phan Văn T
5. Bà Lê Thị Hồng B
6. Chị Phan Thị H

Cùng địa chỉ: ấp 5B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà L, Thanh T, Văn T, B và Thị H:
Ông Phan Văn H (văn bản ủy quyền ngày 03/5/2019, vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị D là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị D có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Văn L trình bày:

Nguồn gốc đất của bà là do ông Phan Văn L1 - cha chồng của bà D khai hoang trước năm 1957, ông Phan Văn L1 có đào con mương. Con mương này giáp với đất của bà Huỳnh Thị T (em dâu ông Phan Văn L1), phần đất của bà Huỳnh Thị T do ông Phan Văn L1 cho. Con mương này thuộc thửa 2119, trong tổng diện tích 1.974m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị D.

Đầu năm 1976, bà Huỳnh Thị T hoán đổi đất với ông Phan Văn H1 (anh ruột của ông Phan Văn H). Khoảng năm 1978 - 1979 ông H1 để lại phần đất cho em là ông Phan Văn H. Ông H1 cho rằng, con mương này của ông H1 nên gia đình bà có nhờ đến chính quyền địa phương giải quyết. Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú lúc bấy giờ, nay là Ủy ban nhân dân xã Phú Cường xác định con mương này là của gia đình bà, chỉ hòa giải không có biên bản. Năm 1993 cơ quan Nhà nước đến đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên. Từ năm 1993 đến năm 1998 gia đình bà D vẫn sử dụng con mương này để dẫn nước, thoát nước làm ruộng. Ông Phan Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.221m². Năm 1998, ông H lập con mương, gia đình bà D khiếu nại đến chính quyền địa phương và tranh chấp con mương này với ông H, được cán bộ địa chính cấp xã và cấp huyện đo đạc lại diện tích đất của bà D và của ông H, có mời hai bên hòa giải nhiều lần. Ông H được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007, gia đình bà D không biết.

Quá trình tranh chấp, khiếu nại, bà D có đến liên hệ với Ủy ban nhân dân xã Phú Cường và Phòng địa chính huyện Cai Lậy để yêu cầu sớm giải quyết tranh chấp đất con mương để gia đình bà D an tâm tiếp tục làm ruộng thì Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UB ngày 22/5/2000 về việc

xử lý tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà D và ông H, xác định đất con mương thuộc quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H. Không đồng ý với Quyết định này, bà D khiếu nại thì được cán bộ địa chính xã và địa chính huyện đo đạc lại lần thứ 3 và Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2328/QĐ-UB ngày 20/7/2000 về việc giải quyết đơn khiếu nại, xác định con mương nước thuộc quyền sử dụng đất của ông H. Bà D đã khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện C đến Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy đối với 02 quyết định hành chính nêu trên nhưng không được thụ lý. Bà D khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 3574/QĐ-UB ngày 09/11/2000 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng mương ranh giữa bà với ông H, vẫn xác định con mương thuộc quyền sử dụng đất của ông H. Ủy ban nhân dân xã Phú Cường đã tiến hành hòa giải động viên hai bên xác định mỗi bên $\frac{1}{2}$ con mương nhưng ông H không đồng ý.

Nay, bà D yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn H số thửa 161 diện tích $1.154m^2$ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/11/2007.

Tại Công văn 1359/UBND-NC ngày 23/11/2018 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Theo tài liệu 299, ngày 31/8/1993, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01994/QSĐ/1/77 cho ông Phan Văn H, thửa đất số 2120, diện tích $1.221m^2$, mục đích sử dụng: Q.

Năm 2002, khi tiến hành đo đạc thành lập bản đồ địa chính chính quy trên địa bàn xã Phú Cường, thửa đất trên của hộ ông H có số thửa 161, tờ bản đồ số 06, diện tích $1.154m^2$. Ngày 19/8/2003, ông Phan Văn H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 06, diện tích $1.154m^2$, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: $300m^2$; đất trồng cây lâu năm: $854m^2$ tại ấp 5B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho hộ ông Phan Văn H, địa chỉ thường trú ấp 5B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01651, cấp ngày 07/11/2007 cho hộ ông Phan Văn H là đúng theo trình tự thủ tục quy định.

Bởi các cơ sở trên và căn cứ khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013, việc bà Phan Thị D yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số H01651, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/11/2007 cho hộ ông Phan Văn H là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Tại biên bản đối thoại ngày 06/3/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời đại diện theo ủy quyền của bà L, Thanh T, Văn T, B và Thị H là ông Phan Văn H trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D. Vì đất của ông được cấp theo đúng quy định của pháp luật. Ông thống nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C tại văn bản số 1359/UBND-NC ngày 23/11/2018.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 49 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D, về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01651 ngày 07/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Phan Văn H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, bà Phan Thị D nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phan Văn L là người đại diện hợp pháp của bà Phan Thị D không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung đơn kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Trong phần tranh luận, ông Phan Văn L trình bày ý kiến như sau: Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà D và ông Phan Văn H xảy ra từ trước năm 2000, UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H vào năm 2007, khi đang có tranh chấp là trái pháp luật. Diện tích đất của ông H chỉ có 600m² nhưng UBND huyện C cấp hơn 1.200m² là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01651 do UBND huyện C cấp cho hộ ông H ngày 07/11/2007, trả lại con mương cho bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã tuân thủ các quy định của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01651 do UBND huyện C cấp cho hộ ông H ngày 07/11/2007, bà D chỉ biết được việc này khi khởi kiện ông H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất nên việc bà D khởi kiện vụ án hành chính vào ngày 10/10/2018 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy việc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01651 ngày 07/11/2007 cho hộ ông H là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị D làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

[2.1] Trước khi khởi kiện vụ án hành chính, bà Phan Thị D đã khởi kiện ông Phan Văn H, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2017. Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã thụ lý số 84/2017/TLST-DS ngày 08/11/2018. Việc tranh chấp này đã được giải quyết bằng Bản án số 52/2018/DS-ST ngày 14/9/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang và Bản án số 176/2019/DS-PT ngày 16/5/2019 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại “Biên bản tiếp dân” của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang ngày 23/9/2016 (bút lục số 03-04, có trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 84/2017/TLST-DS ngày 08/11/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang), thể hiện:

- Về thành phần tham dự: Ngoài đại diện của các cơ quan của tỉnh Tiền Giang, như Hội đồng nhân dân, Thanh tra, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công an, Sở Tư pháp, Văn phòng đại biểu Quốc hội... còn có sự tham gia của ông Phan Văn L là người đại diện theo uỷ quyền của bà Phan Thị D.

- Về nội dung: Tại biên bản cuộc họp, ý kiến của các ông bà Phan Thanh N (Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), Nguyễn Thị Đ (Giám đốc Sở Tư pháp), Nguyễn Văn H (Trưởng Ban pháp chế HĐND tỉnh), Đinh Văn T (Phó Chủ tịch UBND huyện C), ông Nguyễn Ngọc Q (Ban tiếp dân tỉnh) và đặc biệt là tại phần kết luận của ông Lê Văn H (Chủ tịch UBND tỉnh) đã thể hiện: tại thời điểm ngày 23/9/2016, ông Phan Văn L là người đại diện hợp pháp của bà D đã được các cơ quan chức năng thông báo rõ, phần đất của ông H đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

[2.2] Ông Phan Văn L là con của bà D, cùng địa chỉ cư trú với bà D tại ấp 5B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (các bút lục số 01-03). Biên bản cuộc họp nêu trên được bà D nộp cùng đơn khởi kiện ngày 06/10/2017. Do đó, việc bà D cho rằng bà chỉ biết ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi khởi kiện vụ án dân sự vào năm 2017 là không có căn cứ.

Bà D nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính vào ngày 10/10/2018 là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử vụ án hành chính khi đã hết thời hiệu khởi kiện là không đúng quy định của pháp luật. Cần áp dụng các quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143, khoản 4 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đã thụ lý số 1041/2019/TLPT-HC ngày 06/8/2019.

Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Trả cho bà D 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số 707 ngày 02/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà D là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm. Trả cho bà D 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 1041 ngày 06/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 241, điểm g khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 1 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015,

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị D.

[2] Huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 505/2019/TLPT-HC ngày 30/8/2019, về việc về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Phan Thị D; Địa chỉ cư trú: ấp 5B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; Địa chỉ trụ sở: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Gồm các ông, bà Phan Văn H, Huỳnh Thị L, Phan Thanh T, Phan Văn T, Lê Thị Hồng B và Phan Thị H.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Trả cho bà Phan Thị D 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số 707 ngày 02/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Phan Thị D. Trả cho bà D 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 1041 ngày 06/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS, 18b (HQ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Võ Văn Khoa